

Số: **656** /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày **31** tháng **3** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

SỔ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM

ĐẾN Số: **4.095**
Ngày: **8/5/23**
Chuyên: **PQH**

VP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn năm 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng làng Đại học Đà Nẵng, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Công văn số 1026/TTg-CN ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận thẩm quyền quyết định điều chỉnh Quy hoạch chung Đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng;

Theo Công văn số 3786/BXD-QHKT ngày 16/9/2021 của Bộ Xây dựng về việc góp ý Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam đến năm 2030 và năm 2045; Công văn số 2815/BXD-QHKT ngày 26/7/2022 của Bộ Xây dựng





về việc hướng dẫn xử lý hồ sơ Quy hoạch chung đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc và công tác thẩm định nội dung đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch;

Thực hiện Thông báo số 473-TB/TU ngày 21/12/2022 Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn, giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045;

Theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 16/10/2020 của HĐND thị xã Điện Bàn thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Điện Bàn giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Theo Thông báo số 15/TB-HĐTĐ ngày 06/02/2022 của Hội đồng thẩm định đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045;

Xét hồ sơ kèm theo đề nghị của UBND thị xã Điện Bàn tại Tờ trình số 551/TTr-UBND ngày 22/12/2022 và Báo cáo số 68/BC-UBND ngày 10/3/2023 về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn, giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Kết quả thẩm định số 27/ThĐ-SXD ngày 29/12/2022 và Tờ trình số 19/TTr-SXD ngày 21/3/2023 về phê duyệt điều chỉnh đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045.

2. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Phạm vi ranh giới: toàn bộ ranh giới hành chính thị xã Điện Bàn, có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Tây: giáp huyện Đại Lộc;
- Phía Đông: giáp biển Đông;
- Phía Bắc: giáp thành phố Đà Nẵng;
- Phía Nam: giáp huyện Duy Xuyên và thành phố Hội An.



b) Quy mô lập quy hoạch: 216,32 km².

3. Tính chất, chức năng

- Là đô thị loại III, đô thị trung tâm động lực phía Bắc tỉnh Quảng Nam; gắn kết với trung tâm du lịch sinh thái biển miền Trung với thành phố Đà Nẵng và khu đô thị cổ Hội An;

- Là đô thị sinh thái hiện đại, có không gian đặc thù vùng ven biển, ven sông phát triển xanh và bền vững;

- Là trung tâm phát triển công nghiệp, nghiên cứu và phát triển dịch vụ, thương mại, văn hóa và du lịch phía Bắc Quảng Nam, có tiềm năng để phát triển tài chính, nguồn nhân lực kết nối với các trung tâm giáo dục - đào tạo chất lượng cao, nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao.

- Tầm nhìn đến năm 2050: định hướng xây dựng thành thành phố thuộc Tỉnh; đảm bảo tăng cường vai trò kết nối với thành phố Đà Nẵng và thành phố Hội An.

4. Quy mô dân số, quy mô đất đai

- Dự báo đến năm 2030: khoảng 400.000 người, đất xây dựng đô thị đạt khoảng 12.318,35 ha, chiếm tỷ lệ 56,94 % đất tự nhiên;

- Dự báo đến năm 2045: khoảng 720.000 người, đất xây dựng đô thị đạt khoảng 13.009,87 ha, chiếm tỷ lệ 60,14 % đất tự nhiên.

5. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu và hướng phát triển đô thị

a) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đảm bảo theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng áp dụng đối với đô thị loại III, đáp ứng các tiêu chuẩn đô thị theo quy định hiện hành.

b) Định hướng phát triển đô thị

- Định hướng chung: định hướng phát triển thành đô thị trung tâm động lực phía Bắc tỉnh Quảng Nam và vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung; gắn kết với trung tâm du lịch sinh thái biển miền trung với thành phố Đà Nẵng và khu đô thị cổ Hội An; xây dựng thành công 3 chiến lược chính: (1) Tăng cường kết nối, (2) Thiết lập hành lang xanh và (3) Định hình được bản sắc, giá trị đô thị.

- Định hướng theo từng giai đoạn:

+ Hiện trạng: tập trung ổn định kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu vực đô thị hiện hữu gồm: phân khu Phương An, phân khu Điện Thắng, phân khu Điện Nam - Điện Ngọc gắn với vệt du lịch - đô thị ven biển;

+ Giai đoạn đến 2030: chủ yếu hoàn chỉnh cấu trúc các khu vực phát triển đô thị hiện hữu; phát triển mở rộng về phía sông Vĩnh Điện và phía Nam tại phân khu Nam Phương, kết nối với thành phố Hội An.

+ Giai đoạn đến 2045: phát triển chủ yếu về phía Tây (các phân khu Ngoại thị) hoàn chỉnh cấu trúc các hành lang xanh gắn với các đô thị ven sông; tăng cường kết nối giao thông, không gian Đông - Tây của đô thị và giữa đô thị với thành phố Đà Nẵng và thành phố Hội An.

6. Định hướng tổ chức không gian đô thị, dự kiến ranh giới hành chính nội thành, ngoại thành, nội thị, ngoại thị

a) Ranh giới Nội thị - Ngoại thị

(1) Nội thị

- Gồm 12 phường gồm: Điện Ngọc, Điện Dương, Điện Nam Bắc, Điện Nam Trung, Điện Nam Đông, Điện Thăng Bắc, Điện Thăng Nam, Điện Thăng Trung, Điện An, Điện Minh, Điện Phương, Vĩnh Điện.

- Với 3 tiểu vùng:

+ Tiểu vùng 1: khu đô thị du lịch biển từ phía Đông sông Cỏ Cò ra đến biển. Chức năng là trung tâm du lịch biển.

+ Tiểu vùng 2: khu đô thị Điện Nam - Điện Ngọc và khu đô thị phía Tây đường ĐT607 và làng Đại học. Chức năng là trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, giáo dục.

+ Tiểu vùng 3: phía Đông giáp sông Vĩnh Điện, Tây đường ĐT607, phía Tây đến ranh giới gồm khu đô thị Điện Thăng, khu đô thị Phương An, khu đô thị Nam Phương.

(2) Ngoại thị

- Tiểu vùng 4 bao gồm 8 xã: Điện Tiến, Điện Thọ, Điện Hòa, Điện Hồng, Điện Phước, Điện Quang, Điện Trung, Điện Phong với Phong Thử là trung tâm vùng ngoại thị.

- Chức năng phát triển công nghiệp, nông nghiệp gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm nông nghiệp nông thôn.

Stt	Khu vực	Diện tích tự nhiên	Dân số hiện trạng	Dân số 2030	Dân số 2045
		(ha)	(người)	(người)	(người)
I	Tiểu vùng 1 (nội thị)	1.225,29	12.000	23.800	42.665
	Khu đô thị ven biển	1.225,29	12.000	23.800	42.665
II	Tiểu vùng 2: cụm đô thị Điện Nam Điện Ngọc (nội thị)	4.160,57	56.919	148.831	287.730
1	Khu đô thị Điện Nam - Điện Ngọc	2.536,94	46.888	96.000	200.000
2	Làng đại học Đà Nẵng (phần diện tích trong ranh giới thị xã)	1.623,63	10.031	52.831	87.730
	Khu đô thị Tây đường ĐT.607				

Stt	Khu vực	Diện tích tự nhiên	Dân số hiện trạng	Dân số 2030	Dân số 2045
		(ha)	(người)	(người)	(người)
III	Tiểu vùng 3: Tiểu vùng trung tâm (nội thị)	5.108,50	74.586	138.516	265.215
1	Khu đô thị Điện Thắng	1.635,12	24.909	43.165	73.732
2	Khu đô thị Phương An	2.040,97	30.360	56.184	117.578
3	Khu đô thị Nam Phương	1.432,41	19.317	39.168	73.906
IV	Tiểu vùng 4: vùng nông nghiệp phía Tây (ngoại thị)	11.138,07	83.132	88.853	124.389
	Tổng cộng	21.632,43	226.637	400.000	720.000

b) Hệ thống các phân khu

Bao gồm 10 phân khu, trong đó 6 phân khu nội thị và 4 phân khu ngoại thị được định hướng quản lý như sau:

(1) Phân khu khu đô thị ven biển

- Diện tích: 1.225,29 ha; dân số: khoảng 42.665 người.

- Tính chất là trung tâm du lịch biển và phát triển hoạt động thể dục thể thao trên biển.

(2) Phân khu khu đô thị Điện Nam – Điện Ngọc

- Diện tích: 2.536,94 ha; dân số: khoảng 200.000 người.

- Tính chất: với các chức năng chủ yếu: khu trung tâm hành chính - văn hóa đô thị, trung tâm giáo dục - đào tạo, khu công nghiệp và các cụm công nghiệp, các khu dân cư hiện trạng và quy hoạch mới, trung tâm thể dục thể thao, công viên cây xanh đô thị, trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch.

(3) Phân khu khu đô thị Tây 607 (có khớp nối phân khu làng Đại học Đà Nẵng)

- Diện tích: 1.623,63 ha; dân số: khoảng 87.731 người.

- Tính chất: với các chức năng chủ yếu: là khu đô thị thuộc đô thị Điện Bàn, phục vụ yêu cầu tái định cư dự án Làng đại học Đà Nẵng; xác lập không gian, quỹ đất đáp ứng yêu cầu hình thành khu trung tâm hành chính phường Điện Ngọc.

(4) Phân khu khu đô thị Nam Phương

- Diện tích: 1.432,41 ha; dân số: khoảng 73.906 người.

- Tính chất: với các chức năng chủ yếu: là khu đô thị, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, thương mại dịch vụ.

(5) Phân khu khu đô thị Điện Thắng

- Diện tích: 11.635,12 ha; dân số: khoảng 73.732 người.

- Tính chất: với các chức năng chủ yếu: là khu đô thị cửa ngõ phía Bắc của thị xã Điện Bàn, là khu đô thị thương mại, dịch vụ và công nghiệp.

(6) Phân khu đô thị Phương An

- Diện tích: 2.040,97 ha; dân số: khoảng 117.578 người.

- Tính chất: với các chức năng chủ yếu: là trung tâm chính trị, văn hóa, lịch sử của thị xã Điện Bàn.

(7) Phân khu Điện Hòa

- Diện tích: 904,26 ha; dân số: khoảng 10.000 người.

- Tính chất: với các chức năng chủ yếu: là khu nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái, khu dân cư.

(8) Phân khu Điện Tiến

- Diện tích: 1.117,93 ha; dân số: khoảng 20.000 người.

- Tính chất: với các chức năng chủ yếu: công nghiệp, dịch vụ và du lịch sinh thái khu vực ven sông và khu ở.

(9) Phân khu Phong Thử

- Diện tích: 11.586 ha (trong đó khu vực xây dựng đô thị khoảng 958,84 ha).

- Dân số: khu vực trung tâm đạt khoảng 30.000 - 40.000 người, khu vực nông thôn vùng hạn chế phát triển đạt khoảng 20.000 - 30.000 người.

- Tính chất: với các chức năng chủ yếu: là trung tâm phía Tây của Điện Bàn; có nhiệm vụ tăng cường kết nối Đông Tây trong khu vực thị xã.

(10) Phân khu Gò Nổi

- Diện tích 3.618,82 ha; dân số: khoảng 35.000 người.

- Tính chất: với các chức năng chủ yếu: du lịch sinh thái và du lịch nông nghiệp cộng đồng ven sông Thu Bồn, vùng phát triển nông nghiệp và khu ở.

7. Cơ cấu sử dụng đất

a) Đất xây dựng đô thị qua từng giai đoạn

Stt	Loại đất	Diện tích (ha)		
		Hiện trạng	Năm 2030	Năm 2045
1	Đất xây dựng đô thị	7.814,36	12.318,35	13.009,87
2	Đất khác	13.818,07	9.314,08	8.622,56
Tổng diện tích tự nhiên		21.632,43	21.632,43	21.632,43

b) Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất toàn đô thị

Stt	Loại đất	Năm 2030	Tỷ lệ (%)	Năm 2045	Tỷ lệ (%)
		Diện tích (ha)		Diện tích (ha)	
I	Đất trong dân dụng	6174,92	28,54	6299,64	29,12
1	Đất đơn vị ở trong đô thị	2386,05		2567,12	
2	Đất ở ngoại thị	1.298,21		1.367,83	
3	Đất công cộng đô thị	362,10		656,78	
4	Đất giáo dục	38,99		307,00	
5	Đất cây xanh đô thị	382,43		749,06	
6	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị (giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác)	206,85		537,43	
7	Đất khác trong đơn vị ở hiện hữu	1500,28		114,41	
II	Đất ngoài dân dụng	6143,44	28,40	6710,24	31,02
1	Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo	222,59		222,59	
2	Đất công cộng, dịch vụ cấp vùng	632,35		696,66	
3	Đất công viên cây xanh cấp vùng	920,98		1.027,23	
4	Đất công viên chuyên đề	80,92		80,92	
5	Đất du lịch	625,93		625,93	
6	Đất công nghiệp	1.366,96		1.385,27	
7	Đất hạ tầng kỹ thuật ngoài đô thị	1.511,82		1.889,75	
	<i>Đất hạ tầng</i>	<i>124,62</i>		<i>124,62</i>	
	<i>Đất giao thông</i>	<i>1.387,20</i>		<i>1.765,13</i>	
8	Nghĩa trang	509,47		509,47	
9	An ninh, Quốc phòng	84,79		84,79	
10	Cây xanh cách ly	158,67		158,67	
11	Tôn giáo	28,96		28,96	
III	Đất khác	9314,08	43,06	8622,56	39,86
1	Mặt nước	1.920,60		1.920,60	
2	Bờ biển	34,54		34,54	
3	Nông nghiệp	7.358,94		6.667,42	
4	Đất chưa sử dụng	0,00		0,00	
	Tổng	21.632,43	100,00	21.632,43	

Đất khác trong đơn vị ở hiện hữu bao gồm đất trồng cây lâu năm, đất vườn gắn liền với đất ở hiện hữu và các loại đất trong dân dụng khác được quản lý để sử dụng cho các mục tiêu tái thiết, chỉnh trang và cân đối cho các chỉ tiêu trong khu vực hiện hữu bao gồm: hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, cây xanh, ...

c) Chỉ tiêu sử dụng đất các khu đô thị

Stt	Khu vực	Chỉ tiêu đất trong dân dụng											Loại đô thị	
		Hiện Trạng			Giai đoạn 2030			Chỉ tiêu tăng thêm giai đoạn 2030			Giai đoạn 2045			
		Diện tích (ha)	Dân số	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Dân số	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Dân số	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Dân số		Chỉ tiêu
				(m ² /người)			(m ² /người)			(m ² /người)				
I	Tiểu vùng 1	267,37	12.000		339,76	23.800	142,76	72,39	11.760	61,55	339,76	42.665	79,63	
	Khu Đô thị du lịch biển	267,37	12.000	222,81	339,76	23.800	142,76	72,39	11.760	61,55	339,76	42.665	79,63	III
II	Tiểu vùng 2	1.462,65	56.919		2.185,31	148.831	146,83	722,66	91.912	78,63	2.185,31	287.731	75,95	
1	Khu Đô thị Điện Nam Điện Ngọc	1090,74	46.888	232,63	1.483,46	96.000	154,53	392,72	49.112	79,96	1.483,46	200.000	74,17	III
2	Khu Đô thị Tây 607	371,91	10.031	370,76	701,85	52.831	132,85	329,94	42.800	77,09	701,85	87.731	80,00	III
III	Tiểu vùng 3	1.575,02	74.586		2.071,49	138.516	149,55	496,47	63.930	77,66	2.121,72	265.215	80,00	
1	Khu Đô thị Điện Thắng	439,86	24.909	176,59	585,91	43.165	135,74	146,04	18.256	80,00	589,85	73.732	80,00	III
2	Khu Đô thị Phương An	715,03	30.360	235,52	906,65	56.184	161,37	191,62	25.824	74,20	940,62	117.578	80,00	III
3	Khu Đô thị Nam Phương	420,12	19.317	217,49	578,93	39.168	147,81	158,81	19.851	80,00	591,25	73.906	80,00	III
IV	Tiểu vùng 4	1.381,11	83.132		1.578,36	88.853					1.652,85	124.389	132,88	
	Ngoại thị	1.381,11	83.132		1.578,36	88.853					1.652,85	124.389		
	Tổng cộng	4.686,15	226.637		6.174,92	400.000					6.299,64	720.000		

* Trong quá trình triển khai các hồ sơ Quy hoạch phân khu, đề xuất lựa chọn phương án quy hoạch phù hợp trên cơ sở chỉ tiêu được xác định; đồng thời có xem xét đến các điều kiện hiện trạng, mô hình phát triển để có sự điều chỉnh phù hợp đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi tính chất chức năng phân khu đô thị và tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

d) Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở khu vực nội thị

Đất đơn vị ở	Hiện trạng			Chỉ tiêu tăng thêm đến năm 2030			Chỉ tiêu đạt được năm 2045		
	Dân số	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Dân số	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu	Dân số	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)
Đất đơn vị ở khu vực nội thị	143.157	1.630,09	113,87	167.990	755,96	45,00	595.612	2.567	43,10

Chỉ tiêu đất đơn vị ở nội thị cho khu vực phát triển mới đến năm 2030 đạt 45m²/ người. Chỉ tiêu đất đơn vị ở cho khu vực nội thị đến năm 2045 đạt 43,1m²/ người. (theo QCVN 01:2021/BXD cho đô thị loại III là từ 28 - 45m²/ người).

8. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính

a) Định hướng các cơ sở phát triển kinh tế

(1) Định hướng phát triển công nghiệp

Trên cơ sở hệ thống công nghiệp hiện có, định hướng phát triển thêm công nghiệp về phía Tây Bắc.

Giai đoạn đầu đến năm 2030: phát triển ổn định các khu và cụm công nghiệp hiện có. Quy hoạch phát triển thêm Khu công nghiệp - đô thị dịch vụ Điện Tiến (bao gồm: Cụm công nghiệp Cẩm Sơn, Thái Sơn hiện trạng và công nghiệp mới).

- Giai đoạn đến năm 2045: dịch chuyển công nghiệp về phía Tây. Hạn chế phát triển các Cụm công nghiệp nhỏ tại khu vực phía Đông.

+ Đối với Cụm công nghiệp Thương Tín và Nam Dương sau khi hết thời hạn cho thuê đất thì hình thành khu dân cư thương mại dịch vụ và công cộng.

+ Đối với Cụm công nghiệp Trảng Nhật 1 chuyển một phần diện tích sang đất sử dụng hỗn hợp.

+ Đối với Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc định hướng chuyển đổi thành KCN công nghệ cao.

+ Đối với Cụm công nghiệp An Lưu trong giai đoạn đến ưu tiên các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao.

(2) Thương mại dịch vụ - du lịch

- Định hướng nâng cấp, cải tạo chỉnh trang các cơ sở dịch vụ thương mại, chợ trung tâm hiện đại, xây dựng tổ hợp thương mại tại các trung tâm đô thị, đáp ứng định hướng phát triển chung. Định hướng hình thành các trung tâm thương mại dịch vụ, trên phương án quy hoạch ưu tiên sử dụng quỹ đất hỗn hợp tại các phân khu đô thị; tập trung tại các trung tâm; các khu vực ven sông, ven biển.

- Về hệ thống vùng, khu, điểm du lịch: định hướng phát triển các khu chức năng phục vụ phát triển du lịch, đảm bảo phù hợp với từng loại hình du lịch:

+ Vệt dịch vụ du lịch ven biển: phát triển dựa trên các dự án hiện có, với các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, các resort và sân golf.

+ Du lịch kết hợp khám phá văn hóa cộng đồng và du lịch trải nghiệm nông nghiệp khu vực ven sông Thu Bồn với 3 xã Gò Nổi, du lịch sinh thái Triêm Tây, du lịch cộng đồng tại Điện Phương với làng nghề Bánh tráng, Đúc đồng Phước Kiều, Mỹ Quảng Phú Chiêm, Chiếu Chêm và Du lịch cộng đồng Cẩm Phú.

+ Định hướng phát triển tuyến thuyền du lịch trên sông Vĩnh Điện và sông Cổ Cò.

(3) Nông nghiệp

- Định hướng phát triển nông nghiệp theo các hướng:

+ Nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao áp dụng tại các khu vực giáp đô thị, khu vực nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi quá trình đô thị hóa.

+ Khu vực từ phía Tây Điện An đến Điện Hồng (giáp huyện Đại Lộc) phát triển nông nghiệp.

+ Vùng nông nghiệp thuộc hạ lưu sông Yên kết hợp với du lịch sinh thái và văn hóa cộng đồng.

+ Vùng nông nghiệp dọc sông Thu Bồn kết hợp với du lịch sinh thái và văn hóa cộng đồng.

b) Định hướng hạ tầng xã hội

- Thị xã Điện Bàn bao gồm khu vực nội thị được chia làm 6 khu đô thị với 21 đơn vị ở và khu vực ngoại thị. Hệ thống công trình công cộng được phân cấp bao gồm: công cộng đơn vị ở, công cộng đô thị và hệ thống công cộng cấp vùng. Định hướng nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội hiện hữu, phát triển thêm hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội mới theo tiêu chuẩn đô thị loại III, phù hợp với thực tiễn phát triển của đô thị, hướng đến xây dựng đô thị xanh, phát triển bền vững.

- Trung tâm chính trị văn hóa xã hội của thị xã Điện Bàn có vị trí hiện hữu tại đô thị Phương An.

- Đối với công trình giáo dục trong đô thị, chỉ xác định từ trường cấp III trở lên; các công trình theo các cấp còn lại được xác định cụ thể trong hồ sơ phân khu, quy hoạch chi tiết trong phạm vi đất đơn vị ở.

(1) Hệ thống y tế

Hệ thống các trạm y tế phường xã cơ bản đáp ứng đủ yêu cầu khám chữa bệnh. Ngoài bệnh viện cấp đô thị, các bệnh viện hiện trạng: bệnh viện tư nhân có bệnh viện Vĩnh Đức, bệnh viện đa khoa Bắc Quảng Nam, phòng khám đa khoa khu công nghiệp; mỗi khu đô thị đáp ứng có một bệnh viện đa khoa phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh người dân.

(2) Cơ sở giáo dục đào tạo



- Cập nhật quy hoạch Làng Đại học Đà Nẵng theo Quyết định phê duyệt quy hoạch phân khu của Thủ tướng Chính phủ; định hướng phát triển trung tâm giáo dục tại Điện Tiến tại khu vực đất hỗn hợp trên tuyến đường Bắc Quảng Nam.

- Trường phổ thông trung học: ngoài các trường hiện hữu tại các xã, phường thì quy hoạch bố trí thêm các trường đảm bảo chỉ tiêu >10m²/học sinh; đối với đô thị Điện Nam – Điện Ngọc bố trí thêm các Trường PTTH, 01 trường tại đô thị ven biển, 02 trường tại Khu đô thị phía Tây đường ĐT.607, 01 trường tại khu đô thị Nam Phương.

- Định hướng quy hoạch mạng lưới giáo dục cấp đơn vị ở tuân theo bán kính phục vụ và chỉ tiêu được quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

(3) Hệ thống văn hóa, thể dục thể thao:

- Trung tâm văn hóa: ngoài trung tâm văn hóa của đô thị Điện Bàn được bố trí tại Vĩnh Điện với các công trình: nhà văn hóa, bảo tàng,... quy hoạch các điểm công cộng cho từng khu ở theo bán kính phục vụ và nhu cầu của từng đô thị.

- Trung tâm thể dục thể thao: trung tâm thể dục thể thao Bắc Quảng Nam tại khu vực Vĩnh Điện, trong quy hoạch bố trí thêm sân thể thao tại đô thị Phong Thử, phục vụ nhu cầu hoạt động thể dục thể thao của khu vực phía Tây. Đối với khu vực trung tâm bố trí các công viên văn hóa thể dục thể thao theo bán kính phục vụ và nhu cầu của từng đô thị.

(4) Hệ thống công viên cây xanh

- Hệ thống công viên cây xanh bao gồm công viên cây xanh đô thị, các công viên mang tính chất cấp vùng như công viên phía Đông sông Cổ Cò, công viên sông Vĩnh Điện; các công viên chuyên đề và công viên cấp đơn vị ở.

- Công viên cây xanh đô thị đảm bảo bán kính phục vụ và chỉ tiêu cho đô thị loại III theo từng khu đô thị và cho toàn thị xã Điện Bàn lớn hơn 5 m²/người.

- Công viên chuyên đề văn hoá lịch sử và thể thao khu vực đồi Bò Bò.

- Hệ thống hành lang thoát lũ gắn với các sông, hồ trên địa bàn thị xã.

- Công viên đơn vị ở định hướng đảm bảo bán kính phục vụ 500m và tuân theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD.

(5) Đất sử dụng hỗn hợp với nhiều chức năng khác nhau, phân tán trong đô thị, đảm bảo khai thác, sử dụng đất hiệu quả

Tổng diện tích đất hỗn hợp khoảng 1.338,93 ha; trong giai đoạn đầu khoảng 900 ha. Đất hỗn hợp được bố trí tại các vị trí trung tâm khu đô thị bao gồm các chức năng: Đơn vị ở, công cộng cấp đô thị, cấp vùng, đất thương mại dịch vụ; trong đó, tỷ lệ đất nhóm nhà ở được xác định cụ thể trong hồ sơ quy hoạch phân khu đồng thời đảm bảo tỷ lệ không quá 30% tổng diện tích đất hỗn hợp.

(6) Định hướng phát triển dân cư

- Đối với khu vực đô thị phát triển mới tại khu vực ven sông Vĩnh Điện, Tây 607, Nam Phương và một phần đô thị Phương An.

- Tiến hành tái thiết và chỉnh trang đô thị tại các đô thị hiện hữu, hoàn thiện hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho các khu vực phát triển hiện hữu.

- Khu vực ngoại thị: phát triển đô thị Phong Thử là trung tâm của khu vực ngoại thị, các khu dân cư nông thôn được phát triển gắn với sản xuất nông nghiệp, theo cấu trúc làng xóm và phù hợp với định hướng phát triển, mô hình sản xuất mới.

- Quy hoạch nhà ở xã hội:

+ Hiện trạng: tiếp tục triển khai các dự án Nhà ở xã hội tại đô thị, chủ yếu tập trung tại khu vực Điện Nam - Điện Ngọc, Tây 607, Điện Tiến với diện tích khoảng 64,29 ha.

+ Quy hoạch mới: được xác định cụ thể tại các đồ án quy hoạch phân khu; đảm bảo nguyên tắc có ít nhất 01 khu Nhà ở xã hội trên 01 phân khu và bố trí quỹ đất tại các dự án nhà ở thương mại, diện tích đảm bảo đủ để đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội trên địa bàn tại các đồ án quy hoạch phân khu.

9. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

(1) Hệ thống giao thông đối ngoại

- Đường bộ:

+ Gồm các tuyến Quốc lộ 1; đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Quốc lộ QL14H; các tuyến đường tỉnh: ĐT.603, ĐT.603B, ĐT.605, ĐT.607, ĐT.607B, ĐT.608, ĐT.609, ĐT.610B; đường vành đai phía Bắc của tỉnh Quảng Nam; đường du lịch ven sông Thu Bồn (Nam Điện Bàn).

+ Hệ thống bến xe, bãi đỗ xe:

++ Bến xe trung tâm của tỉnh tại Điện An với tổng diện tích là 15.000 m². Bến xe trung tâm đô thị đạt tiêu chuẩn bến xe loại 3 và loại 4.

++ Quy hoạch bãi đỗ xe, các trạm dừng phương tiện công cộng: Hệ thống các bãi đỗ xe tại được bố tại các trung tâm thương mại, công viên và các khu trung tâm thể dục thể thao của thị xã; phát triển mạng lưới các tuyến xe buýt từ các bến xe đối ngoại vào các khu trung tâm thị xã và đến các khu chức năng của thị xã. Về quy hoạch, yêu cầu triển khai trong hồ sơ quy hoạch phân khu, xác định cụ thể vị trí, quy mô, mô hình bãi đỗ xe phù hợp, đáp ứng đủ tiêu chuẩn diện tích tuân thủ theo quy chuẩn, theo quy mô dân số được xác định theo từng phân khu.

+ Các công trình phục vụ giao thông:

++ Xây dựng mới cầu Điện Phong qua sông Thu Bồn kết nối giao thông với ĐT610B.

++ Xây mới cầu Vân Ly (cầu Ông Đốc) nối ĐT.610B qua Đại Lộc.



++ Xây dựng đường kết nối với cầu Quảng Đà qua sông Yên để đảm bảo kết nối Điện Bàn với QL14B tại nhà máy xi măng Hòa Khương.

++ Xây mới cầu trên tuyến vành đai Bắc Quảng Nam với sông Yên và sông Vĩnh Điện.

++ Xây mới cầu trên tuyến cảnh quan Đông Tây với sông Vĩnh Điện.

++ Đề xuất nút khác mức cửa ngõ phía Nam tại xã Điện Minh trên tuyến đường du lịch Bắc Quảng Nam (đi phía Tây thị xã Điện Bàn và thành phố Hội An).

++ Bố trí xây mới 5 cầu qua sông Cổ Cò, cụ thể tại các vị trí: cầu Viêm Minh, cầu Hà Quảng 1, cầu Hà Quảng 2, cầu Nghĩa Tự và cầu Ông Điền.

- Đường sắt:

+ Tổng chiều dài 14,5 km đường sắt Bắc - Nam. Mở rộng quy mô 02 ga là ga Nông Sơn và ga Gò Nổi để phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hoá.

+ Đầu tư cầu vượt tại các điểm đường bộ giao cắt với đường sắt gồm: đường Vành đai Bắc Quảng Nam; đường Trục cảnh quan Đông Tây (nối ĐT.603B đến ĐT.605); tuyến đường ĐT.609; đường du lịch Ven sông Thu Bồn; đường ĐT.610B.

+ Định hướng giai đoạn đến năm 2045 bổ sung tuyến đường sắt tốc độ cao chạy song song với đường cao tốc Đà Nẵng Quảng Ngãi về phía đông.

- Đường thủy: được cập nhật theo quy hoạch hệ thống giao thông đường thủy tỉnh Quảng Nam, trong đó: sông Thu Bồn là Sông cấp III, sông Vĩnh Điện là sông cấp IV, sông Cổ Cò sông cấp IV, sông Yên sông cấp V.

(2) Hệ thống giao thông đô thị

- Trục chính đô thị: tuyến cảnh quan từ ĐT 603B đến ĐT 605; đường Lê Đĩnh; QL1 cũ trở thành đường chính đô thị; tuyến Mai Đăng Chơn nối dài đến đường ĐT 608.

- Đường liên khu vực: đường Văn Tiến Dũng, ĐH01, ĐH02, ĐH03, ĐH04, ĐH05, ĐH06, ĐH07, ĐH08, ĐH09, ĐH10, ĐH11, ĐH12, ĐH13, ĐH14, ĐH15, ĐH16, Đường Dũng sĩ Điện Ngọc.

b) Chuẩn bị kỹ thuật

(1) San nền

- Đối với khu vực làng xóm hiện có: giữ nguyên hiện trạng, tuy nhiên khi xây dựng công trình mới đề xuất tôn nền công trình = mức báo động III+0,3m.

- Đối với khu vực dự kiến xây mới: đề xuất không chế cao độ nền xây dựng mới cho các khu vực: Điện Tiến, khu vực Phong Thử, khu đô thị Điện Thắng, khu đô thị Phương An, khu đô thị Nam Phương, khu đô thị phía Tây đường ĐT 607 và làng Đại học, khu đô thị Điện Nam - Điện Ngọc theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu và không làm ngập úng khu vực hiện trạng.

- Đối với khu vực ảnh hưởng của thủy triều: là khu vực phía Đông, phần lớn là nền đất cao, khi xây dựng chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình.

(2) Thoát nước mặt

Toàn thị xã chia làm 4 lưu vực chính như sau:

- Lưu vực 1: toàn bộ khu vực phía Tây Bắc của thị xã thoát ra hệ thống sông Vu Gia - sông Yên.

- Lưu vực 2: khu vực phía Nam của thị xã thoát ra sông Thu Bồn.

- Lưu vực 3: khu vực đồng ruộng, thị trấn Vĩnh Điện và phía Tây đường ĐT607 thoát ra sông Vĩnh Điện.

- Lưu vực 4: khu vực phía Đông của thị xã (bao gồm khu đô thị Điện Nam - Điện Ngọc và khu đô thị du lịch biển) thoát ra sông Cổ Cò.

c) Định hướng quy hoạch cấp nước

- Nguồn cấp: Nước mặt, từ các tuyến sông Vĩnh Điện, sông Thu Bồn, sông Kỳ Lam.

- Các công trình đầu mối cấp nước chính:

+ Nhà máy nước Vĩnh Điện cơ sở 1 công suất 1.400 m³/ngày đêm; cơ sở 2 đến năm 2030 nâng công suất lên 10.000 m³/ngày đêm và đến năm 2045 nâng công suất lên 15.000 m³/ngày đêm;

+ Nhà máy nước Điện Nam - Điện Ngọc, công suất 5.000 m³/ngày đêm (giai đoạn đến năm 2030 đóng cửa);

+ Nhà máy cấp nước Hội An;

+ Nhà máy cấp nước Trảng Nhật đến năm 2030 nâng công suất lên 50.000 m³/ngày đêm và đến năm 2045 nâng công suất lên 120.000 m³/ngày đêm;

+ Nhà máy cấp nước Gò Nổi năm 2030 nâng công suất lên 4.000 m³/ngày đêm và đến năm 2045 nâng công suất lên 6.000 m³/ngày đêm.

d) Định hướng quy hoạch cấp điện

- Lựa chọn nguồn điện: nguồn điện cung cấp cho toàn thị xã được lấy từ 2 trạm 110kV: Điện Nam - Điện Ngọc 110/35/15kV, 3 máy: (60x40x25)MVA với tổng công suất 125MVA và trạm Điện Bàn 110/22kV, 1 máy công suất 40MVA.

- Mạng lưới cấp điện

+ Đường dây cao thế 35 - 110kV: các tuyến đường dây cao thế 35kV và 110kV hiện trạng được giữ nguyên, kết hợp kiểm tra lại hành lang an toàn điện theo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện.

+ Đường dây 22kV: đường dây trung thế 22kV thiết kế mới đi nổi hoặc ngầm tùy thuộc tính chất từng đô thị (thể hiện cụ thể phần quy hoạch chi tiết), bám dọc theo trục giao thông chính.



e) Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

(1) Thoát nước thải

- Đô thị, khu dân cư tập trung hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung: xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng thành hệ thống thoát nước riêng hoặc nửa riêng (xây dựng các giếng tràn nước mưa, các tuyến cống bao, cống gom để thu gom, vận chuyển nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung).

- Đô thị, khu dân cư tập trung mới phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa để tổ chức đầu nổi thu gom và vận chuyển nước thải, đáp ứng nhu cầu thoát nước trong khu vực, trừ một số trường hợp đặc thù theo quy định.

(Khu dân cư tập trung là điểm dân cư nông thôn theo quy định tại Luật Xây dựng và khu dân cư khác ngoài khu vực phát triển đô thị hình thành theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

- Nước thải bệnh viện yêu cầu xây dựng hệ thống xử lý cục bộ trong từng bệnh viện và khử trùng sau đó mới xả ra hệ thống thoát nước thải của đô thị.

- Nước thải công nghiệp được thu gom và xây dựng trạm xử lý riêng cho từng khu hoặc cụm công nghiệp.

Lưu lượng nước thải phát sinh được dự báo dựa trên tiêu chuẩn nước cấp cho khu đô thị; đảm bảo chỉ tiêu thu gom nước thải sinh hoạt $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước của đối tượng tương ứng và 100% nước thải công nghiệp.

- Dự kiến xây dựng 12 trạm xử lý nước thải cho các khu đô thị

Stt	Tên trạm xử lý nước thải sinh hoạt	Công suất 2030 (m ³ /ngđ)	Công suất 2045 (m ³ /ngđ)	Ghi chú
1	Trạm xử lý nước thải Điện Dương	5.600	7.600	Đã có dự án
2	Trạm xử lý nước thải khu đô thị Điện Nam Điện Ngọc-1	4.300	11.200	
3	Trạm xử lý nước thải khu đô thị Điện Nam Điện Ngọc-2	3.100	8.000	
4	Trạm xử lý nước thải khu đô thị Điện Nam Điện Ngọc-3	3.500	8.400	
5	Trạm xử lý nước thải khu đô thị phía Tây đường ĐT 607	3.600	7.500	
6	Trạm xử lý nước thải khu đô thị Điện Thắng-1	1.700	3.700	
7	Trạm xử lý nước thải khu đô thị Điện Thắng-2	1.500	3.300	
8	Trạm xử lý nước thải khu đô thị Phương An-1	2.700	7.100	
9	Trạm xử lý nước thải khu đô thị Phương An-2	2.600	7.000	

Stt	Tên trạm xử lý nước thải sinh hoạt	Công suất 2030 (m3/ngđ)	Công suất 2045 (m3/ngđ)	Ghi chú
10	Trạm xử lý nước thải khu đô thị Nam Phương	1.800	6.000	
11	Trạm xử lý nước thải Phong Thử	1.500	3.300	
12	Trạm xử lý nước khu dân cư dịch vụ Cầu Hung - Lai Nghi	1.400	1.700	Đã có dự án
Tổng cộng		33.300	74.800	

- Dự kiến xây dựng 04 trạm xử lý nước thải cho các khu, cụm công nghiệp

Stt	Tên trạm xử lý nước thải công nghiệp	Công suất 2030 (m3/ng.đ)	Công suất 2045 (m3/ng.đ)
1	Trạm xử lý nước thải khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc	4.243	4.243
2	Trạm xử lý nước thải cụm công nghiệp Trảng Nhật	1.761	2.521
3	Trạm xử lý nước thải cụm công nghiệp An Lưu	750	750
4	Trạm xử lý nước thải CCN và ĐT dịch vụ Điện Tiến	10.311	12.567
Tổng cộng		17.065	20.081

+ Cụm công nghiệp Thương Tín, Cụm công nghiệp Nam Dương đến giai đoạn 2045 chuyển thành đất thương mại dịch vụ, được xử lý nước thải về trạm xử lý chung của đô thị;

+ Cụm công nghiệp Làng nghề Đông Khương, Cụm công nghiệp Vân Ly quy mô diện tích nhỏ (7,22ha và 3ha), khối lượng nước thải phát sinh không nhiều, không bố trí quỹ đất riêng trạm xử lý và việc xử lý được xem xét trong quá trình thực hiện dự án đầu tư Cụm công nghiệp.

(2) Xử lý chất thải rắn (CTR)

- Hiện nay rác thải của toàn thị xã được đưa đi xử lý ở 02 bãi rác Đại Hiệp và Tam Xuân 2, hiện 2 bãi rác này đã quá tải và chuẩn bị đóng cửa.

- Trong giai đoạn đầu, CTR của thị xã Điện Bàn sẽ được chuyển đi xử lý tại nhà máy xử lý CTR sinh hoạt Bắc Quảng Nam có diện tích gần 3,8 ha.

- Giai đoạn dài hạn dự kiến xây dựng khu xử lý CTR trong cụm công nghiệp Thái Sơn, trong tương lai xây dựng lò đốt rác để xử lý rác thải cho toàn thị xã.

- CTR y tế nguy hại: hiện nay CTR y tế nguy hại được Công ty TNHH MTV Xử lý môi trường Quảng Nam đảm nhận thu gom và đưa đến Nhà máy xử lý rác của đơn vị có công suất khoảng 200kg/giờ tại thôn Bích Ngô, Tam Xuân, huyện Núi Thành. Dự kiến quy hoạch nhà máy xử lý CTR nguy hại công suất 1000kg/giờ tại xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành.

(3) Nghĩa trang

- Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng nghĩa trang thị xã tại khu đô thị Điện Nam
- Điện Ngọc với diện tích 39,58 ha.

- Mở rộng nghĩa trang tại thôn Thái Cẩm, xã Điện Tiến quy mô diện tích 41,4 ha.

- Định hướng dài hạn xây dựng lò hỏa thiêu tại nghĩa trang thôn Thái Cẩm, xã Điện Tiến và khu lưu trữ tro cốt tại chùa Bửu Hạnh (xã Điện Minh) quy mô diện tích 3 ha.

- Các khu vực nghĩa trang nhỏ trong khu dân cư, đất sản xuất nông nghiệp hiện có trên toàn thị xã thì tiến hành khoanh vùng và đóng cửa.

10. Các vấn đề có liên quan đến quốc phòng, an ninh và biện pháp bảo vệ môi trường

- Việc sử dụng đất thuộc các khu vực quân sự, đất cây xanh tự nhiên, đất cây xanh bảo tồn, đất mặt nước, tuân theo các quy định của pháp luật, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành, các hồ sơ quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

- Biện pháp bảo vệ môi trường: áp dụng các giải pháp về mặt kỹ thuật tùy theo từng nguồn tác động, gồm: giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên đất và bảo vệ môi trường đất, giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước, giải pháp bảo vệ môi trường không khí; giải pháp bảo vệ môi trường biển ven bờ, giải pháp quy hoạch hệ thống quản lý và xử lý chất thải rắn; giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học và rừng.

- Giải pháp quy hoạch các hành lang thoát lũ và công viên cây xanh gắn với không gian cảnh quan và văn hóa ven sông.

11. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

Ưu tiên các hạng mục đầu tư thực hiện theo đồ án được duyệt, trong đó:

a) Dự án hạ tầng kỹ thuật: với 32 dự án với tổng mức đầu tư khoảng 4.165.165 triệu đồng.

b) Dự án hạ tầng các Khu công nghiệp - dịch vụ du lịch: với 3 dự án có tổng mức đầu tư khoảng 1.283.216 triệu đồng.

c) Dự án hạ tầng xã hội và hạ tầng các khu dân cư: với 21 dự án có tổng mức đầu tư khoảng 8.451.590 triệu đồng.

UBND thị xã Điện Bàn chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể trong nội dung Chương trình phát triển đô thị được lập sau khi quy hoạch chung được phê duyệt, trong đó lưu ý làm rõ danh mục, giai đoạn đầu tư và dự kiến nguồn vốn thực hiện.

12. Đánh giá Môi trường chiến lược

- Giảm thiểu tác động đến môi trường đất: việc phát triển dựa trên cơ sở quy hoạch cơ cấu sử dụng đất khu vực một cách hợp lý, nhằm sử dụng quỹ đất một cách tiết kiệm và hiệu quả, quản lý tốt chất thải rắn, nước thải, tăng cường giải pháp quy hoạch như kè ven bờ sông, bờ hồ hạn chế sạt lở, sụt lún đất.

- Giảm thiểu tác động đến môi trường nước: quy hoạch xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước, xử lý nước thải riêng nhằm xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, du lịch dịch vụ, bệnh viện, cơ sở y tế đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Giảm thiểu tác động tới môi trường không khí và tiếng ồn: có kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng hợp lý và đồng bộ, cải tạo hệ thống giao thông thông suốt, an toàn và thuận lợi, tạo không gian cây xanh, cây xanh cách ly, góp phần cải thiện điều kiện vi khí hậu, vừa là yếu tố để giảm tiếng ồn, giảm khói bụi cho môi trường, đồng thời cũng tạo cảnh quan cho đô thị.

- Kiểm soát ô nhiễm do chất thải rắn: tăng cường công tác phân loại rác thải tại nguồn, quản lý chặt chẽ chất thải rắn nguy hại theo đúng quy định, thu gom và xử lý tại nhà máy xử lý chất thải rắn Bắc Quảng Nam bằng công nghệ đốt.

- Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái khu vực: thực hiện tốt biện pháp quản lý chất thải, tăng cường diện tích cây xanh.

- Ứng phó biến đổi khí hậu: nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới thích ứng biến đổi khí hậu trong xây dựng đô thị, phát triển, sử dụng năng lượng, giao thông, vật liệu xây dựng, thoát nước.

- Giảm thiểu ngập lụt cho khu vực: tăng cường các giải pháp nạo vét chính trị sông; xây dựng hành lang thoát lũ cho các tuyến sông chính như sông Vĩnh Điện, sông Thu Bồn, sông Cổ Cò, sông Thanh Quyết.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thị xã Điện Bàn

- Công bố đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045 theo đúng quy định hiện hành; trong đó, lưu ý công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử.

- Khẩn trương chỉ đạo các Phòng Ban chuyên môn, đơn vị tư vấn phối hợp với Sở Xây dựng hoàn chỉnh Quy định quản lý xây dựng theo đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045, hồ sơ quy hoạch không gian ngầm, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Lập kế hoạch triển khai lập, điều chỉnh các quy hoạch phân khu (10 phân khu đã được xác định theo hồ sơ quy hoạch chung), ưu tiên lập Quy hoạch phân khu khu đô thị ven biển; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy hoạch, quy định quản lý có liên quan đã ban hành cho phù hợp với đề án điều chỉnh Quy hoạch chung được phê duyệt. Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị Điện Bàn và theo đề án điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045 được phê duyệt; trong đó, xác định cụ thể nguồn lực, kế hoạch cải tạo chỉnh trang đô thị, kế hoạch thực hiện dự án ưu tiên đầu tư theo khoản 11 Điều 1 tại Quyết định này; lập quy chế quản lý kiến trúc theo quy định hiện hành.



2. Sở Xây dựng

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra UBND thị xã Điện Bàn tổ chức thực hiện hồ sơ đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045 được duyệt và hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan trong việc quản lý đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành; kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch.

- Báo cáo Bộ quản lý chuyên ngành kết quả thực hiện hồ sơ đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Điện Bàn giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045 được duyệt.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Thông tin và Truyền thông; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và phối hợp với UBND thị xã Điện Bàn trong quá trình quản lý, phát triển thị xã Điện Bàn theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn Phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Thông tin và Truyền thông; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Vụ Quy hoạch kiến trúc - BXD;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thị ủy Điện Bàn;
- HĐND thị xã Điện Bàn;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC-KS, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh